SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Số: 405 /BV-VTTBYT
Về việc mời báo giá vật tư y tế tiêu hao năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp. Thủ Đức, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Quý Doanh nghiệp kinh doanh trang thiết bị y tế.

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 05 năm 2022 của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 08/2023/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Y Tế về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y Tế về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 04/03/2023 của Chính Phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Bệnh viện Lê Văn Thịnh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lê Văn Thịnh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ks. Võ Đình Hiếu – Chức vụ: Trưởng phòng VTTBYT

Số ĐT: 0938 666 679 – email: hieu.bvq2@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá.

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng VTTBYT - số 130 đường Lê Văn Thịnh, Phường Bình Trưng Tây, TP.Thủ Đức, TPHCM

- Nhận qua email: vtyt.bvlvt@gmail.com hoặc hieu.bvq2@gmail.com

- Hình thức gửi báo giá: 01 file cứng và 01 file mềm.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: hạn chót vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 07 năm 2023 (thứ sáu).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, VTTBYT (H, b).

GIÁM ĐỐC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Trần Văn Khanh

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH MỤC MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO NĂM 2023

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
	Bông, băng, gòn, gạc, khăn áo, mũ phẫu thuật, khẩu trang, găng tay, dung dịch sát khuẩn, ống nghiệm và vật liệu cầm máu điều trị vết thương				
1	Băng film trong cố định kim luồn Tegaderm tích hợp gel Chlohexidine	Miếng	2,000		
2	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 53mm x 80mm	Miếng	50		
3	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 6 x 7 (cm)	Miếng	372		
4	Băng keo cá nhân 60mm x 19mm	Miếng	76,000		
5	Màng mổ Ioban vô trùng tẩm Iod	Miếng	1,000		
6	Băng cuộn vải 0,07 x 2,5m	Cuộn	104		
7	BĂNG ĐEO TAY BỆNH NHÂN	Cái	500		
8	Băng gạc cuộn	Cái	10,595		
9	Băng keo nhựa 2,5cm x 9,1m	Cuộn	500		
10	Băng keo trong y tế	Cuộn	1,417		
11	Băng thun y tế 0,1m x 4,5m	Cuộn	100		
12	Bông gạc tẩm cồn alcohol pad 8*10cm	Miếng	30,000		
13	Bông gạc tiệt trùng 5*6cm	Miếng	244,361		
14	Bông gòn không thấm nước	Kg	226		
15	Bông gòn viên 2x2 tiệt trùng (gói 500 gr)	Gói	100		
16	Bông gòn viên 4x2 tiệt trùng (gói 500 gr)	Gói	100		
17	Bông mỡ cuộn 0,1m x 2m	Cuộn	60		
18	BÔNG ESN 2X8CMX4 LỚP, CQVT	Miếng	78		
19	Gạc dẫn lưu tai mũi họng	Cuộn	1,677		
20	Gạc ép sọ não tiệt trùng cản quang 1cm x8 cm x 4 lớp	Gói	500		
21	Gạc ép sọ não tiệt trùng cản quang 2cm x 8cm x 4 lớp	Gói	800		
22	Gạc mech 3.5x20x8 cản quang tiệt trùng	Miếng	10,000		
23	Gạc 10cm x 10cm x 8 lớp (tiệt trùng cản quang)	Miếng	50,000		
24	Gạc 30 x 40 x 6 lớp tiệt trùng có cản quang	Cái	80,395		
25	Găng tay dài sản khoa tiệt trùng	Đôi	600		
26	Găng tay hút đàm tiệt trùng	Cái	1,040		
27	Găng tay khám (các cỡ)	Đôi	500,000		
28	Găng tay y tế latex không bột	Đôi	57,096		
29	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Đôi	167,219		
30	Găng tay kiểm tra dùng trong y tế	Đôi	500		
31	Găng tay Latex có bột	Đôi	874,531		
32	Khẩu trang 3M	Cái	1,313		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
33	Khẩu trang 4 lớp	Cái	194,688		
34	Khẩu trang N95	Cái	14,934		
35	Khẩu trang vải	Cái	5,130		
36	Khẩu trang y tế 3 lớp	Cái	100,000		
37	Khăn bệnh viện	Cái	2,103		
38	Khăn trải mổ 60x80	Cái	27,719		
39	Bộ khăn chỉnh hình tổng quát	Bộ	500		
40	Bộ khăn nội soi khớp gối	Bộ	500		
41	Bộ khăn sanh mổ	Cái	500		
42	Săng mổ tiệt trùng 60cm x 80cm không lỗ	Cái	300		
43	Nón phẫu thuật tiệt trùng	Cái	10,000		
44	Miếng cầm máu 7x5x1cm	Miếng	1,000		
45	Miếng cầm máu mũi	Miếng	320		
46	Miếng dán điện cực tim	Cái	109,338		
47	Miếng dán sát khuẩn Biopatch 86mg, 92mg	Miếng	1,000		
48	Miếng xốp cầm máu Spongostan 7x5x1cm	Miếng	1,000		
49	Miếng xốp và dây nối CuraVac Cura PUMFk2	Bộ	100		
50	Xốp cầm máu tự tiêu dạng ống 80x30mm	Miếng	500		
51	Clincare 500ml	Chai	1,000		
52	Clincare 5	Chai	1,000		
53	Cồn 70 độ	lít	14,400		
54	cồn 90 độ	lít	3,600		
55	Cồn 96 độ	Lít	1,800		
56	Cồn tuyệt đối	lít	720		
57	Dung dịch Gynofar 500 ml (tắm)	Chai	500		
58	Urgo Durable 2cm x 6cm	Miếng	66,453		
59	Urgoband 10cm x 4,5m	Cuộn	7,899		
60	Urgoband 7,5cm x 4,5m	Cuộn	10,215		
61	Urgocrepe 8cm x 4,5m	Cuộn	156		
62	Urgoderm 10cm x 10cm	Cuộn	1,677		
63	Urgosterile 150mm x 90mm	Miếng	2,688		
64	Urgosterile 50mm x 70mm	Miếng	14,222		
65	Urgosyval 2,5cm x 5m (không hộp)	Cuộn	30,098		
66	URGOTUL SSD 10CMX12CM	Miếng	3		
67	Optiskin Film 120mm x 90mm	Miếng	1,412		
68	Optiskin Film 53mm x 80mm	Miếng	6,427		
69	Eko gips 10cm x 2.7m	Cuộn	7,506		
70	Eko gips 15cm x 2.7m	Cuộn	6,224		
71	Eko gips 7.5cm x 2.7m	Cuộn	6,568		
72	Urgoband 10cm x 4,5m	Cuộn	312		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
73	Que gòn lấy bệnh phẩm tiệt trùng	Cái	5		
74	Que gòn tiệt trùng	Cái	2,236		
75	Que xét nghiệm tiệt trùng	Cái	39		
76	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml	Ống	520		
77	Ống nghiệm Heparin	Cái	520		
78	Ống nghiệm lấy máu URI/URN -20750404 (Serum hạt tròn)	Ống	712		
79	Ống nghiệm lấy máu URI/URN -20750602 (Lithium Heparin URI, 2mL)	Ống	582		
80	Ống nghiệm lấy máu URI/URN-20750918 (Tri-sodium citrate 3.8% URI, 1.8mL)	Ống	36		
81	Ống nghiệm lấy máu URI/URS-20750102 (EDTAK2 nút cao su)	Ống	770		
82	Ống nghiệm tách huyết thanh URI, 4 mL, nắp đỏ, hạt tròn	Ống	26		
83	Lọ đựng mẫu PS tiệt trùng có nắp đỏ có nhãn	Cái	10		
84	Lọ lấy sinh phẩm NXD	Cái	26		
85	Ống nẵng	Cái	2,969		
86	Que thử đường huyết Precichek (1 gói gồm 50 kim + 50 que, que được đóng gói từng que riêng)	Bộ	165,110		
87	Giấy điện tim 6 cần Fukuda Denshi (Mac 800)	Xấp	20		
88	Giấy monitor Fetatrack 360	Xấp	1		
89	Giấy y tế	Kg	395		
90	Giấy siêu âm sony	Cuộn	10,000		
91	Tạp dề 80 x 120	Cái	19,942		
92	Vải màu tối che chai thuốc	Cái	3		
93	Vớ giày y tế	Đôi	796		
94	Vớ nylon cao cổ	Đôi	426		
95	Vòng đeo tay nhận dạng bệnh nhân các cỡ	Cái	38,215		
96	Nẹp gỗ các loại	Cái	768		
97	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Cái	15,883		
98	Hộp đựng vật sắc nhọn 1.5l	Cái	36		
99	Ly giấy 220ml	Cái	37,791		
100	Nhiệt kế thủy ngân	Cây	3		
101	CHỔI ĐÁNH BÓNG	Cái	1,544		
102	SÒ ĐÁNH BÓNG (DÂU/ BẠC HÀ)	Cái	1,544		
103	Vôi soda (chai/0.5 kg)	Chai	268		
104	Thuốc tê Lignospan Standard 2%	Ống	15,883		thuốc
105	Tê nha Lignospan Standard 3%	Ống	780		thuốc
	Vật tư tổng hợp (Bơm, kim tiêm, dây truyền, ống thông và tiêu hóa, Kiểm soát nhiễm khuẩn				
1	Bơm tiêm 1ml	Cái	50,000		
2	Bơm tiêm 3 ml	Cái	300,000		
3	Bơm tiêm 5 ml	Cái	500,000		
4	Bơm tiêm 10 ml	Cái	500,000		
5	Bơm tiêm 20 ml	Cái	100,000		
6	Bơm tiêm 50 ml (đầu nhỏ)	Cái	50,000		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
7	Bơm cho ăn 50ml	Cái	50,000		
8	Bơm tiêm insulin 0,5ml	Cái	50		
9	Bơm tiêm insulin 1ml	Cái	500,000		
10	Bơm hút điều kinh Karman	Bộ	100		
11	Kim tiêm các số	Cái	100,000		
12	Kim luồn tĩnh mạch 18G, 20G, 22G, 24G	Cây	100,000		
13	Kim luồn tĩnh mạch an toàn 24G	Cây	20,000		
14	Kim luồn tĩnh mạch an toàn không có cổng tiêm thuốc 24G	Cái	50,000		
15	Kim luồn không cửa, không cánh số 14/16/18/20/22 để chọc dò màng bụng, màng phổi, nong đặt catheter từ ng	Cái	100		
16	Stimuplex needle A50 G22x2"	Cái	23		
17	Kim chọc dò tủy sống các cỡ	Cái	1,000		
18	Kim chích lấy máu	Cây	1,000		
19	Kim châm cứu các cỡ	Cây	500,000		
20	Kim đầy chỉ đã tiệt trùng	Cây	2,265		
21	Kim nha dài	Cái	8,978		
22	Kim nha ngắn	Cái	551		
23	KIM SỐ 0,25X40MM	Cây	31,200		
24	KIM SỐ 0.25X25MM	Cây	86,728		
25	Kim tiêm số 26G	Cái	1,500		
26	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch 15 cm, 1 đầu nối an toàn không kim, thể tích đuổi khí 0,2ml	Cái	100		
27	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch 24cm, 2 đầu nối an toàn không kim thể tích đuổi khí 0,4ml	Cái	500		
28	Dây máy gây mê (loại co giãn)	Cái	2,205		
29	Dây máy thở 2 bẫy nước (sử dụng 1 lần)	Bộ	395		
30	KIM LẤY MÁU DÙNG CHO MÁY THỬ ĐƯỜNG HUYẾT	Cây	73		
31	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	5,000		
32	Dây truyền dịch	Bộ	50,000		
33	Bộ dây truyền dịch ECO (không kim)	Dây	38,956		
34	Bộ dây truyền dịch ECO kim 23Gx1"	Bộ	299,166		
35	Dây truyền máu	Sợi	8,000		
36	Dây oxy người lớn	Cái	50,000		
37	Dây oxy trẻ em	Cái	20,000		
38	Dây oxy sơ sinh	Cái	1,000		
39	Terumo Syringe các cỡ	Cái	13,390		
40	Dây cho ăn có nắp các số	Cái	2,374		
41	Dây dẫn đường Titan phủ Hydrophilic loại đầu thẳng	Cái	74		
42	Dây hút dịch phẫu thuật tiệt trùng	Cái	12,246		
43	Dây nối bơm tiêm 140cm	Sợi	25,493		
44	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	3,188		
45	Dây thông hậu môn	Cái	300		
46	Dây thông T các size	Sợi	200		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
47	Dây truyền dịch Intrafix Primeline	Sợi	1,157		
48	Certofix Trio V.720	Cái	50		
49	Perifix One 421 Complete Set	Cái	100		
50	Nắp đậy kim luồn có cổng tiêm	Cái	500		
51	Que thử đường huyết	Que	500,000		
52	Ống, dây hút đàm (dịch) có kiểm soát	Cái	50		
53	Đầu nối an toàn không kim, thể tích đuổi khí 0,11 ml	Cái	100		
54	Nút chặn kim luồn	Cái	14,282		
55	Chạc 3 có dây 100 cm	Cái	3,000		
56	Khóa 3 ngã có dây	Cái	242		
57	Khóa 3 ngã có dây 25cm	Cái	10,706		
58	Khóa 3 ngã không dây	Cái	2,000		
59	Khóa ba chia	Cái	10,881		
60	Airway (Chắn lưỡi) các số	Cái	1,000		
61	Mask oxy các cỡ	Cái	10,000		
62	Mask gây mê có vòng đệm silicon các số	Cái	10,000		
63	Mask xông khí dung các cỡ	Cái	50,000		
64	Bộ dẫn truyền cảm ứng 01 đường	Cái	500		
65	Catheter động mạch quay các cỡ	Cái	500		
66	Catheter TMTT 3 đường Fr x 15cm; 7Fr x 20cm	Cái	5,000		
67	Catheter động mạch đùi careflow 3Fr - 4Fr x 20 cm; các cỡ	Cái	2,000		
68	Dây dẫn đường cứng dùng cho niệu	Cái	100		
69	Dây dẫn đường cứng đầu thẳng dài 150cm cỡ 0,035"	Cái	100		
70	Dây dẫn đường mềm dùng cho niệu	Cái	200		
71	Ống đặt nội khí quản không bóng; các số	Cái	5,000		
72	Ống đặt nội khí quản có bóng; các số	Cái	5,000		
73	Ống đặt nội khí quản có bóng có lò xo; các số	Cái	5,000		
74	Sonde JJ các cỡ	Cái	10,000		
75	Ống thông JJ Soft Green 7Fr, dài 26cm (1 năm)	Cái	50		
76	Sond pezzer số 18	Cái	10		
77	Sonde dẫn lưu đường mật 8Fr	Cái	200		
78	Sonde dẫn lưu đường mật các cỡ	Bộ	500		
79	Sonde Nelaton 1 nhánh	Cái	1,000		
80	Sonde thông tiểu 1 nhánh	Cái	100		
81	Ống cho ăn; các số	Cái	5,000		
82	Ống thông tiểu; các số	Cái	5,000		
83	Ống thống tiểu 2 nhánh; các số	Cái	5,000		
84	Ống thống tiểu 3 nhánh; các số	Cái	5,000		
85	Túi nước tiểu có khóa có dây đeo	Cái	5,000		
86	Túi hậu môn nhân tạo	Cái	1,000		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
87	Túi đựng bệnh phẩm nội soi	Túi	244		
88	TÚI OXY	Cái	3		
89	Bàn chải mềm rửa tay phẫu thuật	Cái	100		
90	Bộ rửa dạ dày	Bộ	100		
91	Foley 2 nhánh các số	Cái	10,364		
92	Foley 3 nhánh các số	Sợi	100		
93	MASK KHÍ DUNG NHỎ	Cái	50		
94	Mask thở không xâm lấn	Cái	50		
95	Mask thở oxy có túi dự trữ	Cái	1,323		
96	MASK THỞ OXY CÓ TÚI SIZE XL, L	Cái	500		
97	MẶT NẠ NGƯỜI LỚN CÓ TÚI HƠI DỰ TRỮ	Cái	50		
98	Mở khí quản có bóng, có lỗ tập thở, sử dụng nhiều lần	Cái	100		
99	NỘI KHÍ QUẢN KHÔNG BÓNG CÁC SỐ	Cái	100		
100	NỘI PHẾ QUẢN 2 NÒNG- PHẢI SỐ 32	Cái	50		
101	Ống dẫn lưu màng phổi	Ống	294		
103	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Cái	5,000		
105	Ống nội khí quản cong mũi có bóng các số	Cái	500		
106	Ống nội khí quản đường mũi các số	Ống	100		
107	ỐNG NỘI KHÍ QUẢN ĐƯỜNG MIỆNG KHÔNG BÓNG CÁC SỐ	Cái	8		
108	ỐNG NỐI NỘI KHÍ QUẢN	Cái	100		
109	Ống hút đàm kín 14Fr	Bộ	600		
110	Ống mở khí quản 2 nòng	Cái	100		
111	Ống nối hút dịch 2m	Cái	16		
112	Ống nuôi ăn các số	Cái	100		
113	Ống thông dạ dày các số	Sợi	1,000		
114	Ống thông dạ dày cầm máu dày 18 Fr	Cái	50		
115	ỐNG THÔNG DẠ DÀY KHÔNG NẮP CÁC SỐ	Ống	50		
116	Ống thông màng bụng	Cái	1,178		
117	ống thông niệu quản	Cái	5		
118	Ống thông nội khí quản có bóng (Cuffed) 7.0mm	Cái	816		
119	Ống thông nội khí quản có bóng các số	Cái	790		
120	Ống thông tiểu 2 nhánh các số	Cái	500		
121	Ống thông tiểu 3 nhánh các số	Cái	500		
122	Ống thông túi mật	Cái	10		
123	Bộ dây hút dịch MPV 14Fr có nắp đậy	Cái	21,887		
124	Bộ mặt nạ thở oxy khí dung MPV	Chiếc	5,468		
125	Thông dạ dày	Cái	697		
126	Cannula đường mật loại V	Cái	500		
127	Airway số 2	Cái	3,692		
128	AMBU NGƯỜI LỚN	Bộ	50		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
129	Ambubag giúp thở	Cái	151		
130	Arteriofix Catheter Set 20-22G/80mm	Cái	62		
131	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng (CVC)	Bộ	546		
132	Bộ dây hút đàm kín số 14, 16	Cái	52		
133	Bộ hút đàm kin ComforSoft có valve khóa 2 chiều dùng trong 72h số 14Fr	Bộ	2,000		
134	Bộ hút đàm số 14	Bộ	515		
135	BỘ MASK XÔNG KHÍ DUNG NGƯỜI LỚN	Cái	86		
136	BỘ RỬA DẠ DÀY	Cái	39		
137	Bốc thụt tháo	Bộ	5		
138	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài 63cm	Cái	3		
139	CATHETER ĐM ĐỘNG MẠCH ĐÙI CAREFLOW 3FR-4FR X 20 CM	Bộ	3		
140	Catheter động mạch quay dùng một lần các cỡ	Cái	10		
141	Catheter lấy huyết khối cỡ 2F	Cái	2		
142	Catheter lấy huyết khối cỡ 3F	Cái	2		
143	Catheter TMTT 3 đường 7Fr 20 cm kim Y	Bộ	426		
144	Cây dẫn đường đặt nội khí quản	Cây	10		
145	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	Cái	3		
146	Bình chứa dịch - 1000ML	Cái	47		
147	Bình chứa dịch - 300ML	Cái	34		
148	Bình chứa dịch - 500ML	Cái	42		
149	Bình đo áp lực âm 400 ml	Bộ	1,040		
150	Bình hút dịch phẫu thuật 2000ml có nắp dẫn lưu	Bộ	260		
151	Bộ foam điều trị vết thương áp lực âm (size L)	Cái	13		
152	Bộ foam điều trị vết thương áp lực âm (Size M)	Cái	44		
153	Bộ foam điều trị vết thương áp lực âm (Size S)	Cái	44		
154	Lọc khuẩn 3 chức năng hô hấp	Cái	8,705		
155	Bao camera nội soi	Cái	3,653		
156	Bao cao su Vip Plus	Cái	11,921		
157	Bao dây đốt	Cái	5,426		
158	Bao đo huyết áp omron	Cái	100		
159	Bao đo máu sau sinh đã tiệt trùng	Cái	2,478		
160	Bộ catheter đường hầm Glidepath dùng trong lọc máu dài hạn size 14.5Fr có van khóa khí tự động	Cái	23		
161	Bộ chăm sóc Catheter M2	Bộ	887		
162	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường (DTX plus PMSET 1 DT-XX/M stopcock)	Bộ	18		
163	Bộ tiêm chích FAV M15 (4 khoản), VT (1 bộ/gói) (Danameco, VN)	Bộ	4,688		
164	Bọc giày vải không dệt	Đôi	7,098		
165	Chlorhexidine Digluconate 4% (1,1 Hexamethylenebis (5-(4-Chlorophenyl)-Biguanide) Difgluconate 4%), hoặc tương đương	Chai	1,000		
166	6,5 % Diecyldimethyl Ammonium Chloride +0,074% Chlorhexidine Digluconatae, chất hoạt động bề mặt hoặc tương đương	Chai	1,000		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
167	Hỗn hợp 5 Enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase Cellulase + chất hoạt động bề mặt hoặc tương đương	Can	1,000		
168	Dung dịch xông phòng dùng cho máy phun Aerosept 100 VF hoặc tương đương	Can	1,000		
169	Dung dịch diệt khuẩn nhanh bề mặt y tế chứa 50% kl/kl Didecyl Dimethyl Ammonium hoặc tương đương	Chai	1,000		
170	ASI-KILLWASH Dung dịch rửa tay và tắm sát khuẩn 2% Chlorhexidine Digluconate hoặc tương đương	Chai	1,000		
171	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Can	1,000		
172	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ 14 ngày	Can	1,000		
173	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ đa Enzyme	Can	1,000		
174	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ	Chai	1,000		
175	Băng keo chỉ thị nhiệt 1,2cm x 55m	Cuộn	1,000		
176	Test kiểm tra nhiệt độ 2 thông số 1,5cm x 20 cm	Test	50		
177	Chỉ thị hóa học 3 thông số (nhiệt độ, áp suất, thời gian) 5,1cm x 1,9 (cm) hoặc tương đương	Miếng	5,000		
178	Test kiểm soát tiệt trùng vi sinh 3 giờ bằng hơi nước hoặc tương đương	Ống	100.		
179	Test thử lò hấp 27,9 cm x 21,6cm hoặc tương đương	Tờ	1,000		
180	Băng keo chỉ thị dùng trong diệt khuẩn Plasma hoặc tương đương	Cuộn	1,000		
181	Chỉ thị sinh học dùng trong diệt khuẩn Plasma hoặc tương đương	Ống	1,000		
182	Chỉ thị hóa học dùng trong quy trình tiệt khuẩn Plasma hoặc tương đương	Que	1,000		
183	Chất tiệt trùng VAPROX HC Sterilizers (Hydrogen Peroxide-H_2O_2) hoặc tương đương	Cốc	5,000		
184	Chỉ thị màu hóa học dùng trong nồi hấp khử trùng hoặc tương đương	Miếng	1,000		
185	Chỉ thị sinh học dùng trong nồi hấp khử trùng hoặc tương đương	Miếng	1,000		
186	Túi ép dụng cụ tiệt khuẩn 75mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
187	Túi ép dụng cụ tiệt khuẩn 100mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
188	Túi ép dụng cụ tiệt khuẩn 150mm x70m có chỉ thị hóa học màu đỏ hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
189	Túi ép dụng cụ tiệt khuẩn 200mm x70m có chỉ thị hóa học màu đỏ hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
190	Túi ép dụng cụ tiệt khuẩn 250mm x70m có chỉ thị hóa học màu đỏ hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
191	Túi ép dụng cụ tiệt khuẩn 350mm x70m có chỉ thị hóa học màu đỏ hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
192	Túi ép dẹp 10cm x 200m hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
193	Túi ép dẹp 15cm x 200m hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
194	Túi ép dẹp 20cm x 200m hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
195	Túi ép phồng 10cm x 100m hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
196	Túi ép phồng 15cm x 100m hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
197	Túi ép phồng 20cm x 100m hoặc tương đương	Cuộn	2,000		
	Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật, dụng cụ phẫu thuật, tiêu hóa, tiết niệu:				
1	Chỉ khâu nội soi siêu bền	Cái	50		
2	Chỉ siêu bền Matrix	Cái	50		
3	Chỉ thép số 5, 4x45cm, 2 kim 1/2 vòng tròn dài 48mm	Tép	100		
4	Dao mổ 10	Cái	1,336		
5	Dao mổ 11	Cái	5,379		
6	Dao mổ 12	Cái	785		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
7	Dao mổ 15	Cái	9,838		
8	Dao mổ 20	Cái	4,007		
9	Chỉ Carelon (Nylon) 2/0, kim tam giác 26 mm, M30E26	Tép	7,062		
10	Chỉ Carelon (Nylon) 3/0, kim tam giác 26 mm, M25E26	Tép	14,357		
11	Chỉ Carelon (Nylon) 4/0, kim tam giác 18 mm, M15E18	Tép	6,453		
12	Chỉ Carelon (Nylon) 5/0, kim tam giác 16mm, M10E16	Tép	1,095		
13	CHỈ CARESILK (SILK) SỐ 2/0 KIM TAM GIÁC 26MM, S30E26	Tép	140		
14	Chỉ Caresilk (Silk) 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm, S3012	Tép	330		
15	Chỉ Caresilk (Silk) 2/0, kim tròn 26mm, S30A26	Tép	395		
16	Chỉ Caresilk (Silk) 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm, S2012	Tép	551		
17	Chỉ Caresilk (Silk) 3/0, kim tam giác 26 mm, S20E26	Tép	2,675		
18	Chỉ Caresilk (Silk) 3/0, kim tròn 26 mm, S20A26	Tép	1,331		
19	Chỉ caresorb (Polyglactin 910) số 1, dài 100cm, kim tròn đầu tù, dài 65mm, khâu gan GT40B65GL100	Tép	60		
20	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) 2/0, kim tròn 36 mm, C30A36	Tép	3,468		
21	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) 3/0, kim tròn 26mm, C25A26	Tép	5		
22	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn 26 mm, C40A26	Tép	385		
23	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn 36 mm, C40A36	Tép	1,836		
24	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm, C30A26	Tép	296		
25	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 36mm, C30A36	Tép	510		
26	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 3/0, kim tròn dài 26 mm, C25A26	Tép	164		
27	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 4/0, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm, C20E16	Tép	36		
28	Chỉ Trustigut (Chromic Catgut) số 0, kim tròn 26 mm, C40A26	Tép	26		
29	CHỈ TRUSTIGUT (CHROMIC CATGUT) SỐ 5/0 KIM TRÒN, dài 17 MM	Tép	23		
30	Chỉ Trustilene (Polypropylene) 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 26mm, PP30AA26L90	Tép	881		
31	Chỉ Trustilene (Polypropylene) 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn, dài 20mm, PP15AA20L90	Tép	39		
32	Chỉ Trustilene (Polypropylene) số 0, kim tròn 30 mm, PP35A30	Tép	346		
33	Nylon 3/0 kim tam giác	Tép	304		
34	SILK 0 KIM TAM GIÁC 26CM	Tép	8		
35	Silk 2/0, không kim, 12 sợi	Tép	55		
36	Silk 3/0, không kim, 12 sợi	Tép	47		
37	Chỉ không tan đơn sợi Surgipro 7-0 60CM 2xCV-351 3/8C 8mm	Tép	161		
38	Chỉ không tiêu sinh học2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, chiều dài kim 26 mm(chỉ Silk 2/0)	Tép	57		
39	Chỉ polyamid 6 số 4/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn, chiều dài kim 19mm	Tép	382		
40	Chỉ tan chậm sinh học Chromic Catgut 4/0, 150cm (không kim)	Tép	49		
41	Chỉ tan đa sợi bện Polysorb 2-0 75cm V-20 1/2C, 26mm	Tép	1,859		
42	Chỉ tan đa sợi bện Polysorb số 2 dài 75cm V-20 1/2 26 mm	Tép	239		
43	Chỉ tan đa sợi bện Polysorb số 3 dài 75cm V-20 1/2C 26mm	Tép	1,115		
44	Chỉ tan đa sợi bện Polysorb số 4 dài 75cm V-20 1/2C 26mm	Tép	528		
45	Chỉ tan đơn sợi có gai Vloc-90 3-0 15cm 1/2C V-20 26mm	Tép	23		
46	Chỉ tan đơn sợi có gai Vloc-90 4-0 15cm 3/8C CV-15 17mm	Tép	26		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
47	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic 9-1 có chất bao phủ, số 1-0, 90cm, kim tròn 40mm	Tép	10		
48	Chỉ tan trung bình sợi bện Polysorb I 90cm GS-24 1/2C 40mm (CL915)	Tép	10,182		
49	Chỉ tan trung bình sợi bện Polysorb 2-0 75cm V-20 1/2C 26mm	Tép	1,578		
50	Chỉ tan trung bình sợi bện Polysorb 3-0 75cm V20 1/2C 26mm (GL122)	Tép	1,622		
51	Chỉ tan trung bình sợi bện Polysorb 4-0 75cm V-20 1/2C 26mm	Tép	614		
52	Novosyn Quick Undy 2/0 (3) 90cm HR37S	Sợi	198		
53	Surgipro 6-0, 3/8C, 13mm, 75cm 2X CV-11 Blue	Tép	135		
54	ETHILON 9/0 13CM 5MM 3/8 TP W2829	Tép	13		
55	F29RH37W Ecosorb fast USP 2/0, 90cm, RH 37mm	Tép	18		
56	Dụng cụ khâu cắt nội soi đa năng 45-60mm, dài 34cm, gập góc 45 độ - EC45A/EC60A	Cái	3		
57	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 55mm hoặc tương đương	Cái	3		
58	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở Ethicon Endo-Surgery 55mm	Cái	1		
59	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc Echelon Flex 60 ENDOPATH	Cái	8		
60	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi sử dụng pin đa năng Power Echelon GST System 60mm,dài 34cm, gập góc	Cái	1		
61	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong Ethicon Endo-Surgery	Chiếc	44		
62	Dụng cụ khâu cắt thẳng 55mm, công nghệ kim 3D, điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 1.5-2.0mm-NTLC55	Cái	1		
63	Dụng cụ khâu nối tròn 21mm, 25mm, 29mm, 33mm, điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 1mm-2.5mm, kim bằng	Cái	3		
64	DAO SIÊU ÂM HARMONIC ACE (ACE 23E)	Cái	2		
65	DAO SIÊU ÂM HARMONIC ACE, 5MM, DÀI 23CM, KẾT HỢP VỚI DÂY DAO HP054	Cái	10		
66	DAO SIÊU ÂM HARMONIC ACE, 5MM, DÀI 23CM, KẾT HỢP VỚI DÂY DAO HP054 -HAR23	Cái	5		
67	Dao siêu âm harmonic Focus, dài 17 cm, dùng trong mổ hở kết hợp với dây dao	Cái	5		
68	Dao siêu âm Harmonic Focus, dài 9cm, kết hợp với dây dao HPBLUE, HAR9F	Cái	5		
69	DAO SIÊU ÂM MỔ MỞ HARMONIC FOCUS®, HỘP/ 6CÁI (MỸ/ MEXICO)- FCS9	Cái	44		
70	Băng ghim màu trắng/ xanh dương/ vàng/ xanh lá cây cho dụng cụ khâu cắt nội soi loại thẳng và cong dài 60m	Cái	55		
71	Băng đạn cho mổ hở dài 55 mm phù hợp cho dụng cụ khâu cắt	Chiếc	20		
72	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 55mm, công nghệ kim 3D, kim bằng Titanium Alloy - SR55	Cái	112		
73	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 75mm công nghệ kim 3D, kim bằng Titanium Alloy, SR75	Cái	10		
74	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 45mm -60mm	Cái	125		
75	Băng đạn màu trắng/xanh dương/ vàng/ xanh lá cây cho dụng cụ khâu cắt nội soi loại thẳng và cong dài 60mm	Tép	29		
76	Chỉ phẫu thuật ETHILON 10/0, 2 kim hình thang 6,5mm, 3/8 C	Tép	1,246		
77	Chỉ phẫu thuật PDS II 4/0, 70cm, kim tròn SH-2 taperpoint plus 20mm, 1/2C	Tép	120		
78	Chỉ phẫu thuật PDS II số 3/0, 70cm, kim tròn đầu tròn plus 26mm, 1/2C	Tép	42		
79	Chỉ phẫu thuật Prolene số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu cắt Ethalloy 13mm, 1/2C - W8710	Tép	16		
80	CHỈ PHẪU THUẬT ECOSORB 5/0	Cái	10		
81	Dây dao Harmonic HP054	Cái	172		
82	Ligaclip extra cỡ lớn [Clip Titan kẹp mạch máu cỡ LT400]	Cái	5		
83	Tay dao mổ mở Harmonic Focus®+ HAR17F	Cái	5		
84	Tay dao mổ nội soi dài 36cm - HAR36	Cái	3		
85	Tay dao 2 nút bấm, sử dụng 1 lần	Cái	4,503		
86	Tay dao cắt đốt 2 nút bấm				

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
87	Ống soi mềm	Cái	23		
88	Guide wire Hydrophilic	Cái	23		
89	Giá đỡ vừa tán vừa hút dùng trong phẫu thuật lấy sỏi qua da	Cái	5		
90	Bộ nong lấy sỏi qua da	Cái	5		
91	Rọ lấy sỏi niệu	Cái	200		
92	Dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng phương pháp Longo	Cái	1,000		
93	Điện cực đôi trung tính sử dụng 1 lần	Cái	2,600		
94	Điện cực tim	Cái	1,277		
95	Clip Polymer Hem-o-lok các size ML, L, XL	Cái	1,472		
96	En-Clip [Kẹp clip cầm máu Polymer]	Cái	629		
97	Lưới phẳng siêu nhẹ Parietene, 6x11 cm	Miếng	70		
98	Mảnh ghép thoát vị Parietene Flat Sheet Mesh and Lightweight Mesh 6x11cm	Miếng	107		
99	Trocar nhựa trong suốt dùng trong phẫu thuật nội soi tiêu hóa Versaone đường kính 5mm-11mm-12mm	Cái	619		
100	**Vật tư Nội soi:**				
101	Hot Biopsy Forceps	Cái	3		
102	Thòng lọng cắt Polyp lạnh (Cold Snare)	Cái	3		
103	Thòng lọng cắt Polyp Size Nhỏ	Cái	10		
104	Thòng lọng cắt Polyp Size Trung	Cái	3		
105	Thòng lọng cắt Polyp Size Lớn	Cái	3		
106	Clip cầm máu	Cái	900		
107	Kim chích cầm máu	Cây	60		
108	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	Bộ	50		
109	Dao kim (Needle Knife)	Cây	2		
110	Dao cắt cơ vòng Oddi	Cây	2		
111	Bóng kéo sỏi đường mật	Cái	2		
112	Bóng nong đường mật	Cái	2		
113	Rọ lấy sỏi đường mật	Cái	2		
114	Bóng kéo sỏi 3 kênh	Cái	10		
115	Bóng EZDilate loại (WG) 13,5/14,5/15,5	Cái	2		
116	Dụng cụ bơm bóng	Cái	1		
117	Rọ lấy sỏi loại cứng dùng nhiều lần	Cái	1		
118	Rọ tán sỏi loại V, xoay được	Cái	1		
119	Rọ lấy sỏi 3.0 Fr, 4 Wires, dài 90cm (Stone basket) có adapter	Cái	50		
120	Tay cầm tán sỏi có thể quay được	Cái	1		
121	Bộ tán sỏi cấp cứu gồm tay cầm và vỏ sắt	Cái	1		
122	Bộ đẩy Stent 7Fr	Cái	1		
123	Bộ đẩy Stent 10 Fr	Cái	1		
124	Dẫn lưu đường mật 7Fr, dài 80mm, cong ở giữa	Cái	10		
125	Dẫn lưu đường mật 7Fr, dài 70mm, dạng đuôi heo	Cái	10		
126	Dao cắt cơ vòng, loại V	Cái	2		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
127	Dao cắt kim có phủ lớp cách điện	Cái	2		
128	Kìm sinh thiết dạ dày, có lỗ bên, dùng nhiều lần	Cái	1		
129	Kìm sinh thiết đại tràng có lỗ bên, dùng nhiều lần	Cái	1		
130	Kìm sinh thiết nóng, dùng nhiều lần	Cái	1		
131	Tay cầm cho kìm sinh thiết nóng	Cái	1		
132	Kẹp cầm máu	Cái	1,000		
133	Tay cầm gắn kẹp cầm máu, xoay được	Cái	1		
134	Dụng cụ thắt Polyp	Cái	1		
135	Tay cầm dụng cụ thắt Polyp	Cái	1		
136	Vòng thắt Polyp, đường kính 30 mm	Cái	40		
137	Lọng cắt Polyp, hình Oval	Cái	2		
138	Tay cầm cho lọng cắt Polyp	Cái	1		
139	Kim chích cầm máu dạ dày, 23G/4mm	Cái	5		
140	Kim chích cầm máu đại tràng, 23G/4mm	Cái	5		
141	Đầu gắng ống soi, mềm, dạng vát	Cái	5		
142	Ngáng miệng nội soi loại mềm, có dây choàng	Cái	50		
143	Van sinh thiết	Cái	10		
144	Van khí/nước	Cái	1		
145	Van hút	Cái	1		
146	Đầu thắt giãn tĩnh mạch thực quản, gồm 7 vòng thắt	Cái	100		
147	Clip mạch máu cỡ lớn bằng Titanium - hoặc tương đương	Cái	200		
148	Clip mạch máu cỡ trung bình lớn bằng Titanium, hoặc tương đương	Cái	200		
	Vật tư thận nhân tạo:				
1	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn Heparin Oxiris	Bộ	300		
2	Bộ quả lọc máu liên tục Prismaflex M100	Bộ	200		
3	Bộ quả lọc tách huyết tương kèm dây máu TPE Flex 2000	Bộ	100		
4	Quả hấp phụ máu HA130	Quả	100		
5	Quả lọc hấp phụ HA 230	Quả	300		
6	QUẢ LỌC HẤP PHỤ HA280	Quả	300		
7	QUẢ LỌC HẤP PHỤ HA330-II	Quả	100		
8	Quả lọc hấp phụ một lần HA330	Quả	300		
9	Quả lọc máu hấp phụ Adsorba 300C	Quả	50		
10	Quả lọc thận Highflux 17 (sợi Polynephron)	Quả	1,000		
11	Quả lọc thận Middleflux 110 (sợi Cellulose Triacetate) SUREFLUX-110E	Quả	500		
12	Quả lọc thận Midleflux 17 (Sợi Polynepphron) ELISIO -17M	Quả	1,000		
13	Bộ dây dẫn dịch thay thế trong chạy thận nhân tạo HDF-O	Bộ	500		
14	Quả lọc thận nhân tạo F7HPS kèm theo 02 nắp đậy màng lọc	Quả	20,000		
	Quả lọc thận nhân tạo FX10 (Helixone) Kèm theo 02 nắp đậy màng lọc	Quả	5,000		
15	Quả lọc máu (Helixone plus) FX CorDiax 80	Quả	2,000		
16	Túi đựng dịch xả 15L (15L cycler drainage bag)	Túi	50		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
17	Bộ kết nối máy thẩm phân phúc mạc người lớn (Homechoice)	Cái	5,000		
18	Bộ dây lọc thận	Bộ	70,000		
19	Bộ dây chạy thận nhân tạo	Bộ	500		
20	Bộ chuyển tiếp (Minicap Extended Life PD Transfer Set with Twist Clamp)	Cái	100		
21	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 2 nhánh cỡ 12FR dài 15-20 cm	Bộ	1,000		
22	Nắp đóng bộ chuyển tiếp (Minicap with povidone - iodine)	Cái	50,000		
23	Kim chạy thận nhân tạo AVF NEEDLE 16G x 1"	Cái	1,000		
24	Kẹp rốn	Cái	5,000		
25	Kẹp xanh	Cái	20		
26	Dây lọc thận	Bộ	20,000		
27	Bộ kim AVF 16G, 17G	Cái	100,000		
	Vật tư tạo nhịp:				
1	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng SPHERA SR, có đáp ứng nhịp, SureScan MRI, phụ kiện chuẩn	Bộ	10		
2	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng SPHERA DR, có đáp ứng, SureScan MRI, phụ kiện chuẩn	Bộ	20		
3	Kim chọc tĩnh mạch cho dây tạm thời CL-ELITE	Cái	16		
4	Máy tạo nhịp tim 2 buồng ENTICOS 4 DR +SOLIA S 53 + SOLIA S 60	Bộ	10		
5	BALLOON PACING CATHETER (Dây tạo nhịp tạm thời)	Cái	50		
	Vật tư tiêu hao Mắt:				
1	Chất nhầy thủy tinh thể cứng (Hydroxypropyl Methylcellulose)	Cái	200		
2	Chất nhầy thủy tinh thể mềm	Cái	1,000		
3	Chất nhầy OCU+, dạng chuỗi, dùng trong phẫu thuật phaco	Cái	1,000		
4	Dao phẫu thuật 15 độ	Cái	300		
5	Dao phẫu thuật mắt 2,8mm đến 3,2 mm	Cái	300		
6	Kính thủy tinh thể nhân tạo mềm (HEMA/MMA)	Cái	500		
7	Kính thủy tinh thể nhân tạo mềm Nanoflex	Cái	500		
8	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Artis PLM	Cái	100		
9	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Artis PLE	Cái	2,500		
10	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Cimflex 42Y	Cái	200		
11	Thủy tinh thể nhân tạo Primus HD Yellow	Cái	500		
12	Mực nhuộm bao dùng trong phẫu thuật mắt	Lọ	1,000		
13	Bộ dây tưới tút tiệt trùng (Easysys cassette) dùng cho máy phaco Optikon	Hộp	500		
14	Đầu bọc silion dùng cho đầu tip phaco Optikon	Cái	100		
15	Dùng tip rửa hút (các cỡ) dùng cho máy phaco Optikon	Cái	100		
16	Đầu tip phaco các cỡ dùng cho máy phaco optikon	Cái	100		
17	Tay cầm tưới hút loại dài dùng cho máy phaco optikon	Cái	100		
	Các loại khớp háng, khớp gối				
1	Khớp gối toàn phần có lớp phủ Zirconium nitride, gập gối tối đa , Vega FB thế hệ mới	Bộ	10		
2	Khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	300		
3	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay có xi măng, loại chuôi dài	Bộ	10		
4	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng	Bộ	300		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
5	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng, loại chuôi dài	Bộ	300		
6	Khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ	300		
7	Khớp háng toàn phần không xi măng, loại chuôi dài	Cái/ Hộp	100		
8	Xi măng xương ngoại khoa có chất kháng sinh, độ nhớp thấp - độ nhớt trung bình	Gói	50		
9	Sáp xương 2,5 gram	Miếng	221		
	Dụng cụ phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo:				
1	Vít dây chằng chéo tự tiêu dùng cho phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo	Cái	200		
2	Vít neo cố định dây chằng trước trong nội soi khớp gối	Cái	200		
3	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo	Cái	200		
4	Vít chốt neo cố định dây chằng chéo các cỡ	Cái	200		
5	Dây nước dùng trong nội soi khớp	Cái	300		
6	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy	Cái	300		
7	Lưỡi bào khớp các cỡ	Cái	200		
8	Lưỡi bào nội soi	Cái	200		
9	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio	Cái	200		
	Chẩn đoán hình ảnh (tương thích với máy Xquang, MRI):				
1	Phim X-quang 20cm x 25cm	Hộp	100,000		
2	Phim X-quang 25cm x 30cm	Hộp	100,000		
3	Phim X-quang 35cm x 43cm	Hộp	100,000		
4	Phim X-quang nhũ ảnh 20cm x 25cm	Hộp	2,000		
5	Phim X-quang nhũ ảnh 25cm x 30 cm	Hộp	2,000		
6	Phim khô Laser Konica 35cm x 43cm	Hộp	1,000		
	Vật tư phẫu thuật thần kinh sọ não:				
1	Vít titan cỡ 1.65mm dài 5-7mm, tự khoan,tự taro	Cái	100		
2	Vít titan mini 2.0 các cỡ Anton Hipp	Cái	500		
3	Vít titan, tự khoan kích thước 2.0x6 mm Anton Hipp hoặc tương đương	Cái	1,000		
4	Nẹp titan sọ não thẳng 16 lỗ, khoảng cách lỗ 5mm Anton Hipp	Cái	500		
5	Lưới vá khuyết sọ titan, kích thước 150x150x0.6mm, cấu trúc có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít chìm, Anton H	Miếng	50		
6	Lưới vá khuyết sọ titan, kích thước 200x200x0.6mm, cấu trúc có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít chìm, Anton H	Miếng	50		
7	Gạc cầm máu Gelitacel 10x20cm (10pcs)	Miếng	1,000		
8	Bộ dẫn lưu dịch não tủy ổ bụng VP Shunt áp lực Cao, thấp, trung bình BMI, kích thước van 6x26 mm/ 5x20 m	Bộ	50		
	Nẹp vít dùng cho phẫu thuật				
1	Bộ bơm xi măng đốt sống dùng bóng	Bộ	10		
2	Kim chọc dò cuống sống	Cái	20		
3	Xi măng sinh học HV-R, kèm dung dịch pha	Cái	10		
4	Nẹp dọc	Cái	50		
5	Óc khoá trong	Cái	150		
6	Vít đa trục các cỡ	Cái	150		
7	Xi măng OPACITY + bơm vào thân đốt sống	Hộp	10		
8	Vít đa trục cột sống lưng GSS góc xoay ±20 độ, các cỡ, đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Cái	31		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
9	Vít đa trục cột sống lưng ROMEO ren bén và nhuyễn, đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Cái	114		
10	Vít đa trục ROMEO PP rỗng ruột dùng để bơm xi măng dành cho bệnh nhân có chất lượng xương kém (loãng	Cái	50		
11	Vít khóa trong cột sống lưng GSS, titanium, đk ngoài (O.D) 10mm, đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Cái	50		
12	Vít khóa trong tương thích với vít đơn/ đa trục có ren bén và nhuyễn, đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Cái	150		
13	Nẹp dọc cột sống lưng dài 50-90mm , đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Cái	50		
14	Nẹp dọc cột sống lưng GSS bằng titanium dài 400mm, đường kính 6mm, đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Cái	50		
15	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, chiều dài khoảng 28mm x chiều rộng 11mm x độ nghiêng 4 độ x chiều cao: 8	Cái	50		
16	Miếng ghép cột sống lưng dạng cong hình hạt đậu, vật liệu PEEK các cỡ	Cái	50		
	Đinh, nẹp và vít thông thường:				
1	Đinh chốt cẳng chân các cỡ	Cây	230		
2	Đinh chốt đùi các cỡ	Cây	138		
3	Đinh chốt titan đùi các cỡ	Cây	69		
4	Đinh chốt titan cẳng chân các cỡ	Cây	69		
5	Đinh kirschner các cỡ	Cây	1,380		
6	Khung cố định hai thanh	Bộ	92		
7	Khung cố định vòng tròn 2/3	Bộ	12		
8	Nẹp khóa cẳng chân các cỡ	Cái	46		
9	Nẹp khóa cẳng tay các cỡ	Cái	322		
10	Nẹp khóa cánh tay các cỡ	Cái	138		
11	Nẹp khóa chữ I các cỡ	Cái	138		
12	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ	Cái	230		
13	Nẹp khóa đầu dưới mâm chày (trái, phải) các cỡ	Cái	161		
14	Nẹp khóa đầu dưới xương mác các cỡ	Cái	230		
15	Nẹp khóa đầu dưới xương quay (trái, phải) các cỡ	Cái	345		
16	Nẹp khóa đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	Cái	161		
17	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	Cái	161		
18	Nẹp khóa DHS các cỡ	Cái	46		
19	Nẹp khóa đùi các cỡ	Cái	69		
20	Nẹp khóa lồi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ	Cái	69		
21	Nẹp khóa lồi cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ	Cái	69		
22	Nẹp khóa mắc xích các cỡ	Cái	115		
23	Nẹp khóa mỏm khuỷu (trái, phải) các cỡ	Cái	46		
24	Nẹp khóa ốp lồi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	Cái	69		
25	Nẹp khóa xương đòn S (trái, phải) các cỡ	Cái	575		
26	Vít khóa 2.0 các cỡ	Cái	1,150		
27	Vít khóa 4.0 các cỡ	Cái	5,060		
28	Vít khóa 5.0 các cỡ	Cái	1,725		
29	Vít rỗng titan 3.0 các cỡ	Cái	46		
30	Vít vỏ 2.7 các cỡ	Cái	575		
31	Vít vỏ 4.0 các cỡ	Cái	1,380		

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Ghi chú
32	Vít xốp rỗng 4.5 các cỡ	Cái	184		
33	Vít xốp rỗng 7.3 các cỡ	Cái	69		
34	Vít khoá 2.7 các cỡ	Cái	3,450		
35	Vít khoá 7.3 các cỡ	Cái	115		
36	Nẹp bất động đùi	Bộ	12		
37	Nẹp khoá đùi đầu răn các cỡ	Cái	12		
38	Nẹp bất động cẳng chân	Bộ	12		
39	Vít vỏ 5.0 các cỡ	Cái	184		

Công ty……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

BÁO GIÁ…..

Kính gửi: Bệnh viện Lê Văn Thịnh

VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO																				
STT	Phân nhóm TT14	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Giá kê khai trên cổng thông tin BYT	Mã kê khai giá trên cổng thông tin BYT	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Số đăng ký/ số công bố/ số giấy phép nhập khẩu	Phân loại	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền	Ghi chú
1																				
2																				